



Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Bến Tre

Báo cáo tài chính cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2020



Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Bến Tre
Thông tin về Công ty

Giấy Chứng nhận	1301026370	ngày 17 tháng 3 năm 2017
Đăng ký Doanh nghiệp số	1301026370	ngày 31 tháng 5 năm 2018

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh hai lần, và lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 1301026370 ngày 31 tháng 5 năm 2018. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và bản điều chỉnh do Phòng Đăng ký Kinh doanh Tỉnh Bến Tre cấp.

Hội đồng Quản trị	Ông Lưu Văn Tuấn	Chủ tịch
	Bà Bùi Thị Thuý	Thành viên
	Ông Nguyễn Sơn Dương	Thành viên
	Ông Phạm Tấn Lợi	Thành viên
	Ông Phạm Hồng Minh	Thành viên

Ban Kiểm soát	Ông Đỗ Văn Biên	Trưởng ban
	Ông Hà Đức Trung	Thành viên
	Bà Lưu Thanh Thảo	Thành viên

Ban Giám đốc	Ông Lưu Văn Tuấn	Giám đốc
	Bà Lê Thị Tố Uyên	Phó Giám đốc
	Ông Nguyễn Quốc Khánh	Phó Giám đốc

Trụ sở đăng ký	Ấp Phước Hậu (Thửa đất số 379, tờ bản đồ số 7) Xã An Phước, Huyện Châu Thành Tỉnh Bến Tre Việt Nam
-----------------------	---

Công ty kiểm toán	Công ty TNHH KPMG Việt Nam
--------------------------	-------------------------------



2-00

IAN
/ TN
IG

CH

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Bến Tre **Báo cáo của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Bến Tre (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính đính kèm của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính được trình bày từ trang 5 đến trang 27 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính đính kèm.

Thay mặt Ban Giám đốc



Tỉnh Bến Tre, ngày 12 tháng 3 năm 2021





KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Bến Tre

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính đính kèm của Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Bến Tre (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 12 tháng 3 năm 2021, được trình bày từ trang 5 đến trang 27.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Bến Tre tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam
Báo cáo kiểm toán số: 20-01-00382-21-1

Hà Vũ Định
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 0414-2018-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Nguyễn Thanh Nghị
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 0304-2018-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 3 năm 2021



Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Bến Tre
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu B 01 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 130 + 140 + 150)	100		125.728.415.160	143.001.667.264
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	76.102.841.906	79.030.751.817
Tiền	111		22.102.841.906	530.751.817
Các khoản tương đương tiền	112		54.000.000.000	78.500.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		9.803.628.678	19.461.846.990
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	9.454.921.850	18.432.175.465
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		186.799.670	743.467.106
Phải thu ngắn hạn khác	136		161.907.158	286.204.419
Hàng tồn kho	140	7	38.877.293.691	44.140.923.631
Tài sản ngắn hạn khác	150		944.650.885	368.144.826
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		944.650.885	368.144.826
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 260)	200		630.045.744.229	690.014.075.841
Các khoản phải thu dài hạn	210		50.000.000	10.000.000
Phải thu dài hạn khác	216		50.000.000	10.000.000
Tài sản cố định	220		609.037.929.021	657.645.609.440
Tài sản cố định hữu hình	221	8	609.037.929.021	657.645.609.440
Nguyên giá	222		740.557.501.461	729.051.735.416
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(131.519.572.440)	(71.406.125.976)
Tài sản dở dang dài hạn	240		306.068.672	908.963.845
Xây dựng cơ bản dở dang	242		306.068.672	908.963.845
Tài sản dài hạn khác	260		20.651.746.536	31.449.502.556
Chi phí trả trước dài hạn	261	9	19.628.975.435	30.508.811.736
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		1.022.771.101	940.690.820
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		755.774.159.389	833.015.743.105



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Bến Tre
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		623.096.350.911	691.482.389.556
Nợ ngắn hạn	310		220.902.850.911	213.035.920.104
Phải trả người bán ngắn hạn	311	10	20.670.680.728	46.241.720.640
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		27.188.273	-
Thuế phải nộp Nhà nước	313	11	74.693.808.714	75.762.226.568
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	12	9.673.515.687	11.921.300.543
Phải trả ngắn hạn khác	319	13	1.035.895.880	4.470.053.171
Vay ngắn hạn	320	14(a)	114.750.346.637	72.000.000.000
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		51.414.992	2.640.619.182
Nợ dài hạn	330		402.193.500.000	478.446.469.452
Phải trả dài hạn khác	337		193.500.000	-
Vay dài hạn	338	14(b)	402.000.000.000	478.446.469.452
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		132.677.808.478	141.533.353.549
Vốn chủ sở hữu	410	15	132.677.808.478	141.533.353.549
Vốn cổ phần	411	16	100.000.000.000	100.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		100.000.000.000	100.000.000.000
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		32.677.808.478	41.533.353.549
- LNST chưa phân phối/(lỗ lũy kế) đến cuối năm trước	421a		21.533.353.549	(10.289.718.818)
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		11.144.454.929	51.823.072.367
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		755.774.159.389	833.015.743.105

Ngày 12 tháng 3 năm 2021

Người lập:



Phạm Thế Lộc
 Kế toán trưởng

Người duyệt:



Lưu Văn Tuấn
 Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Bến Tre

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu B 02 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2020 VND	2019 VND
Doanh thu bán hàng	01	18	499.349.249.983	689.586.641.976
Giá vốn hàng bán	11	19	434.944.266.830	565.785.879.710
Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)	20		64.404.983.153	123.800.762.266
Doanh thu hoạt động tài chính	21	20	705.773.498	3.010.664.858
Chi phí tài chính	22	21	41.121.289.904	46.652.516.458
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		41.097.029.104	46.651.928.732
Chi phí bán hàng	25		18.169.806	1.822.985.013
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	22	11.566.382.805	13.114.721.979
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		12.404.914.136	65.221.203.674
Thu nhập khác	31		1.930.878.794	1.356.434.398
Chi phí khác	32		273.974.269	162.294.094
Kết quả từ hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		1.656.904.525	1.194.140.304
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		14.061.818.661	66.415.343.978
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	24	2.999.444.013	12.392.343.249
Lợi ích thuế TNDN hoãn lại	52	24	(82.080.281)	(940.690.820)
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		11.144.454.929	54.963.691.549
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	25	1.114	5.232

Ngày 12 tháng 3 năm 2021

Người lập:



Phạm Thế Lộc
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Lưu Văn Tuấn
Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Bến Tre
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2020 VND	2019 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận kế toán trước thuế	01		14.061.818.661	66.415.343.978
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao	02		60.113.446.464	56.015.367.335
Thu nhập lãi tiền gửi	05		(705.773.498)	(3.010.664.858)
Chi phí lãi vay	06		41.097.029.104	46.651.928.732
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		114.566.520.731	166.071.975.187
Biến động các khoản phải thu	09		8.838.016.848	19.155.280.974
Biến động hàng tồn kho	10		5.263.629.940	2.865.901.626
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		(12.245.813.021)	(6.668.086.023)
Biến động chi phí trả trước	12		10.303.330.242	11.278.655.582
			126.725.684.740	192.703.727.346
Tiền lãi vay đã trả	14		(41.892.996.135)	(46.218.842.353)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(6.610.839.900)	(5.781.503.349)
Tiền thu khác từ hoạt động sản xuất kinh doanh	16		11.920.000	-
Tiền chi khác từ hoạt động sản xuất kinh doanh	17		(280.732.346)	(74.304.040)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		77.953.036.359	140.629.077.604
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21		(28.005.939.417)	(104.886.666.998)
Tiền thu lãi tiền gửi	27		821.115.962	2.820.116.914
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(27.184.823.455)	(102.066.550.084)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Bến Tre
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2020 VND	2019 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ đi vay	33		323.516.841.309	72.716.770.620
Tiền trả nợ gốc vay	34		(357.212.964.124)	(65.000.000.000)
Tiền trả cổ tức	36		(20.000.000.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(53.696.122.815)	7.716.770.620
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50		(2.927.909.911)	46.279.298.140
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60		79.030.751.817	32.751.453.677
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60)	70	5	76.102.841.906	79.030.751.817

Ngày 12 tháng 3 năm 2021

Người lập:

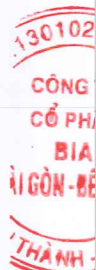


Phạm Thế Lộc
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Lưu Văn Tuấn
Giám đốc




Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Bến Tre

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Bến Tre (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Công ty là sản xuất, kinh doanh các sản phẩm bia, rượu, nước giải khát.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Công ty

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Công ty có 121 nhân viên (1/1/2020: 136 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.



Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Bến Tre

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(c) Giả định hoạt động liên tục

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở hoạt động liên tục. Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, nợ ngắn hạn đã vượt quá tài sản ngắn hạn là 95.174 triệu VND (1/1/2020: 70.034 triệu VND). Công ty cũng có các khoản vay đáng kể cần tái tài trợ trong vòng 12 tháng kế tiếp (Thuyết minh 14). Hơn nữa, Công ty chủ yếu sản xuất và bán hàng cho bên liên quan là Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước Giải Khát Sài Gòn. Giá trị của giả định hoạt động liên tục sử dụng trong việc lập báo cáo tài chính này cơ bản tùy thuộc vào việc Công ty tiếp tục nhận đủ đơn đặt hàng từ Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước Giải Khát Sài Gòn, tạo ra dòng tiền thuần thu vào từ hoạt động kinh doanh và có sẵn các khoản tín dụng ngân hàng nhằm giúp Công ty có thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn và duy trì sự tồn tại và hoạt động liên tục của Công ty trong một tương lai có thể dự kiến trước được.

Tại ngày lập báo cáo này, Công ty không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không tiếp tục nhận đủ đơn đặt hàng từ Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước Giải Khát Sài Gòn và tạo ra dòng tiền thuần thu vào từ hoạt động kinh doanh trong một tương lai có thể dự kiến trước được.

(d) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(e) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND lần lượt theo tỷ giá mua chuyển khoản và tỷ giá bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Bến Tre

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(c) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(d) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng trực tiếp.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(e) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không được hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- | | |
|--------------------------|------------|
| ▪ nhà cửa, vật kiến trúc | 25 năm |
| ▪ máy móc và thiết bị | 5 – 11 năm |
| ▪ phương tiện vận chuyển | 11 năm |

(f) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi cho công trình xây dựng và máy móc chưa hoàn thành hoặc lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Bến Tre

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(g) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Chi phí tiền thuê đất trả trước

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Công ty đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo quy định hiện hành và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất từ 48 đến 52 năm.

(ii) Bao bì luân chuyển

Bao bì luân chuyển bao gồm chai, két sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh của Công ty và được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Bao bì luân chuyển được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 2 năm.

(iii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 3 năm.

(h) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(i) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(j) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Chênh lệch giữa số tiền nhận được từ phát hành cổ phiếu so với mệnh giá được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Bến Tre

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(k) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(l) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu hàng bán được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

(ii) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(m) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Bến Tre

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(n) Các khoản thanh toán tiền thuê

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời gian thuê.

(o) Lãi trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty (sau khi đã trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi cho kỳ kế toán báo cáo) chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm.

Công ty không có các cổ phiếu có tác động suy giảm tiềm năng, quy định về trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu không áp dụng.

(p) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

(q) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là bên liên quan.

(r) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của năm trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính kỳ hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của năm hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh trong báo cáo tài chính này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm trước.



Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Bến Tre

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

4. Báo cáo bộ phận

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh bia. Hoạt động khác là sản xuất, kinh doanh rượu và nước giải khát. Trong năm, Công ty không thực hiện hoạt động kinh doanh nào khác ngoài hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty, theo đó thông tin tài chính trình bày trên bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và ngày 1 tháng 1 năm 2020 và toàn bộ doanh thu, chi phí trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 và ngày 31 tháng 12 năm 2019 liên quan đến hoạt động kinh doanh chính của Công ty.

Về mặt địa lý, Công ty chỉ hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam.

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Tiền gửi ngân hàng	22.102.841.906	530.751.817
Các khoản tương đương tiền	54.000.000.000	78.500.000.000
	<hr/>	<hr/>
	76.102.841.906	79.030.751.817

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng với thời gian đáo hạn không quá ba tháng kể từ ngày gửi và hưởng lãi suất 3% một năm (1/1/2020: 5% một năm).

6. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước Giải Khát Sài Gòn – một bên liên quan	9.454.426.850	18.409.920.276
Các khách hàng khác	495.000	22.255.189
	<hr/>	<hr/>
	9.454.921.850	18.432.175.465

Khoản phải thu từ bên liên quan không có đảm bảo, không hưởng lãi và có thể thu được khi yêu cầu.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Bến Tre**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***7. Hàng tồn kho**

	31/12/2020		1/1/2020	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên vật liệu	11.473.699.235	-	19.288.032.833	-
Công cụ và dụng cụ	3.409.889.084	-	3.315.021.420	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	14.432.988.168	-	14.025.762.251	-
Thành phẩm	9.560.717.204	-	7.512.107.127	-
	38.877.293.691	-	44.140.923.631	-

8. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Tổng VND
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	197.901.249.918	529.114.950.407	2.035.535.091	729.051.735.416
Tăng trong năm	-	58.000.000	-	58.000.000
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	(90.000.000)	11.537.766.045	-	11.447.766.045
Số dư cuối năm	197.811.249.918	540.710.716.452	2.035.535.091	740.557.501.461
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	8.658.951.673	62.491.592.118	255.582.185	71.406.125.976
Khấu hao trong năm	7.998.227.468	51.930.170.344	185.048.652	60.113.446.464
Số dư cuối năm	16.657.179.141	114.421.762.462	440.630.837	131.519.572.440
Giá trị còn lại				
Số dư đầu năm	189.242.298.245	466.623.358.289	1.779.952.906	657.645.609.440
Số dư cuối năm	181.154.070.777	426.288.953.990	1.594.904.254	609.037.929.021

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 609.038 triệu VND (1/1/2020: 657.646 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Bến Tre**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***9. Chi phí trả trước dài hạn**

	Chi phí tiền thuê đất trả trước VND	Bao bì luân chuyển VND	Công cụ và dụng cụ VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	19.299.057.347	8.827.141.795	2.382.612.594	30.508.811.736
Tăng trong năm	-	249.250.000	580.656.028	829.906.028
Phân bổ trong năm	(384.188.880)	(8.806.778.780)	(2.518.774.669)	(11.709.742.329)
Số dư cuối năm	18.914.868.467	269.613.015	444.493.953	19.628.975.435

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, chi phí trả trước dài hạn có giá trị còn lại là 18.915 triệu VND (1/1/2020: 19.299 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty.

10. Phải trả người bán ngắn hạn**(a) Phải trả người bán chi tiết theo các nhà cung cấp lớn**

	Giá trị ghi sổ/Số có khả năng trả nợ 31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Công ty TNHH Cơ Nhiệt Điện Lạnh Bách Khoa	15.000.000.000	32.767.927.545
Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước Giải Khát Sài Gòn	863.360.275	7.622.147.366
Các nhà cung cấp khác	4.807.320.453	5.851.645.729
	20.670.680.728	46.241.720.640

(b) Phải trả người bán là các bên liên quan

	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước Giải Khát Sài Gòn	863.360.275	7.622.147.366
Công ty TNHH Một Thành Viên Thương mại Bia Sài Gòn	311.793.657	157.423.909
Công ty TNHH Một Thành viên Cơ khí Sa Be Co	5.706.050	-

Khoản phải trả cho các bên liên quan không có đảm bảo, không chịu lãi và phải trả khi có yêu cầu.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Bến Tre**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***11. Thuế phải nộp Nhà nước**

	1/1/2020 VND	Số phát sinh trong năm VND	Số đã nộp/cán trừ trong năm VND	31/12/2020 VND
Thuế giá trị gia tăng	8.745.062.959	95.789.634.804	(96.382.233.634)	8.152.464.129
Thuế tiêu thụ đặc biệt	60.209.140.255	462.646.287.841	(459.537.150.009)	63.318.278.087
Thuế thu nhập doanh nghiệp	6.610.839.900	2.999.444.013	(6.610.839.900)	2.999.444.013
Thuế thu nhập cá nhân	197.183.454	1.287.668.520	(1.261.229.489)	223.622.485
Các loại thuế khác	-	3.021.960	(3.021.960)	-
	75.762.226.568	562.726.057.138	(563.794.474.992)	74.693.808.714

12. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Chi phí lãi vay phải trả	3.916.199.954	4.712.166.985
Chi phí thưởng	5.113.855.503	4.703.454.099
Chi phí phải trả khác	643.460.230	2.505.679.459
	9.673.515.687	11.921.300.543

13. Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Phải trả quỹ Công tác xã hội	82.598.844	425.695.960
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	424.000.000	420.000.000
Phải trả ngắn hạn khác	529.297.036	3.624.357.211
	1.035.895.880	4.470.053.171



Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Bến Tre**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***14. Vay****(a) Vay ngắn hạn**

	1/1/2020 Giá trị ghi sổ/ Số có khả năng trả nợ VND	Biến động trong năm		31/12/2020 Giá trị ghi sổ/ Số có khả năng trả nợ VND
		Tăng VND	Giảm VND	
Vay ngắn hạn (*)	-	323.516.841.309	(284.766.494.672)	38.750.346.637
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh 14(b))	72.000.000.000	76.446.469.452	(72.446.469.452)	76.000.000.000
	72.000.000.000	399.963.310.761	(357.212.964.124)	114.750.346.637

(*) Điều khoản và điều kiện của khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh 4, TP Hồ Chí Minh	VND	4,8%	38.750.346.637	-

(b) Vay dài hạn

	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Vay dài hạn (*)	478.000.000.000	550.446.469.452
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng (Thuyết minh 14(a))	(76.000.000.000)	(72.000.000.000)
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng	402.000.000.000	478.446.469.452

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Bến Tre**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(*) Điều khoản và điều kiện của khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh 4, TP Hồ Chí Minh	VND	7,96% - 8,63%	2026	478.000.000.000	550.446.469.452

Khoản vay này được đảm bảo bằng quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền trên đất tại Xã An Phước, Huyện Châu Thành, Tỉnh Bến Tre có giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 627.953 triệu VND (1/1/2020: 676.945 triệu VND) (Thuyết minh 8 và Thuyết minh 9).

15. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	(Lỗ lũy kế)/lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2019	100.000.000.000	(10.289.718.818)	89.710.281.182
Lợi nhuận thuần trong năm	-	54.963.691.549	54.963.691.549
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	(2.640.619.182)	(2.640.619.182)
Trích quỹ công tác xã hội	-	(500.000.000)	(500.000.000)
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2020	100.000.000.000	41.533.353.549	141.533.353.549
Lợi nhuận thuần trong năm	-	11.144.454.929	11.144.454.929
Cổ tức (Thuyết minh 17)	-	(20.000.000.000)	(20.000.000.000)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2020	100.000.000.000	32.677.808.478	132.677.808.478

12637
 G TY
 HÁN
 IA
 BẾN T
 4-1-8
 42-
 HÁ
 TY
 M
 HỒ

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Bến Tre

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

16. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2020 và 1/1/2020	
	Số lượng cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt Cổ phiếu phổ thông	10.000.000	100.000.000.000
Vốn cổ phần đã phát hành Cổ phiếu phổ thông	10.000.000	100.000.000.000
Số cổ phiếu đang lưu hành Cổ phiếu phổ thông	10.000.000	100.000.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

Không có biến động vốn cổ phần trong năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 và ngày 31 tháng 12 năm 2019.

Các cổ đông của Công ty tại ngày báo cáo bao gồm:

	31/12/2020		1/1/2020	
	Số lượng cổ phiếu	%	Số lượng cổ phiếu	%
Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước Giải Khát Sài Gòn	2.000.000	20%	2.000.000	20%
Các cổ đông khác	8.000.000	80%	8.000.000	80%
	10.000.000	100%	10.000.000	100%

17. Cổ tức

Tại cuộc họp ngày 14 tháng 1 năm 2020, Đại Hội đồng Cổ đông của Công ty đã quyết định phân phối khoản cổ tức cho các cổ đông là 20.000 triệu VND (tương đương 2.000 VND/cổ phiếu) từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2019 (2019: Không).

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Bến Tre**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***18. Doanh thu bán hàng**

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng đã bán, không bao gồm thuế giá trị gia tăng và thuế tiêu thụ đặc biệt.

	2020 VND	2019 VND
Tổng doanh thu		
▪ Bán thành phẩm	492.196.682.598	680.824.617.824
<i>Doanh thu bán thành phẩm đã bao gồm</i>		
<i>thuế tiêu thụ đặc biệt</i>	954.842.970.439	1.283.978.376.300
<i>Thuế tiêu thụ đặc biệt</i>	(462.646.287.841)	(603.153.758.476)
▪ Bán bã bia	5.484.578.000	4.093.938.400
▪ Bán bao bì	-	4.182.238.984
▪ Doanh thu khác	1.667.989.385	485.846.768
	<hr/> 499.349.249.983	<hr/> 689.586.641.976

19. Giá vốn hàng bán

	2020 VND	2019 VND
Tổng giá vốn hàng bán		
▪ Thành phẩm đã bán	434.803.655.469	561.453.839.108
▪ Hàng hoá đã bán	140.611.361	4.332.040.602
	<hr/> 434.944.266.830	<hr/> 565.785.879.710

20. Doanh thu hoạt động tài chính

	2020 VND	2019 VND
Lãi tiền gửi	705.773.498	3.010.664.858

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Bến Tre**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***21. Chi phí tài chính**

	2020 VND	2019 VND
Chi phí lãi vay	41.097.029.104	46.651.928.732
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	24.260.800	587.726
	<hr/>	<hr/>
	41.121.289.904	46.652.516.458

22. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2020 VND	2019 VND
Chi phí nhân viên	8.741.782.517	9.599.108.953
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	458.973.757	692.301.876
Chi phí khấu hao	187.548.648	192.693.812
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.969.570.393	2.262.253.865
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	208.507.490	368.363.473
	<hr/>	<hr/>
	11.566.382.805	13.114.721.979

23. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	2020 VND	2019 VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	346.770.287.588	513.840.345.819
Chi phí nhân công và nhân viên	24.344.038.616	23.011.283.976
Chi phí khấu hao	60.113.446.464	56.015.367.335
Chi phí dịch vụ mua ngoài	17.358.870.005	20.975.954.817
Chi phí khác	663.820.726	809.588.886
	<hr/>	<hr/>



Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Bến Tre**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***24. Thuế thu nhập doanh nghiệp****(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

	2020	2019
	VND	VND
Chi phí thuế hiện hành		
Năm hiện hành	2.999.444.013	12.392.343.249
Lợi ích thuế thu nhập hoãn lại		
Phát sinh các chênh lệch tạm thời	(82.080.281)	(940.690.820)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	<u>2.917.363.732</u>	<u>11.451.652.429</u>

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2020	2019
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	14.061.818.661	66.415.343.978
Thuế theo thuế suất của Công ty	2.812.363.732	13.283.068.796
Chi phí không được khấu trừ thuế	105.000.000	80.000.000
Lỗ tính thuế được sử dụng	-	(1.755.467.195)
Sử dụng tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trong những năm trước	-	(155.949.172)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	<u>2.917.363.732</u>	<u>11.451.652.429</u>

(c) Thuế suất áp dụng

Theo các điều khoản trong Giấy Chứng nhận Đầu tư, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế suất thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế.



Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Bến Tre

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

25. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông sau khi trừ đi số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền, chi tiết như sau:

(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	2020 VND	2019 VND
Lợi nhuận thuần trong năm	11.144.454.929	54.963.691.549
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	(2.640.619.182)
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông	11.144.454.929	52.323.072.367

(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

Không có biến động số lượng cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 và ngày 31 tháng 12 năm 2019. Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền dùng để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu cho cả hai kỳ báo cáo là 10.000.000 cổ phiếu.

26. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính, trong năm Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	2020 VND	2019 VND
Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước Giải Khát Sài Gòn		
Bán thành phẩm (đã bao gồm thuế tiêu thụ đặc biệt)	954.417.674.260	1.283.978.376.300
Bán khác	129.600.000	793.667.160
Mua nguyên vật liệu	289.483.445.143	405.066.285.955
Công ty TNHH Một Thành Viên Thương mại Bia Sài Gòn		
Phí sử dụng vỏ chai	1.316.959.000	2.048.389.702
Bán bao bì	-	3.388.571.824
Công ty TNHH Một Thành Viên Cơ khí Sa Be Co		
Mua nguyên vật liệu	104.219.327	-
Mua tài sản cố định	-	1.218.600.000

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Bến Tre

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Giá trị giao dịch	
	2020 VND	2019 VND
Công ty TNHH Một Thành Viên Bia Sài Gòn – Sóc Trăng		
Mua nguyên vật liệu	17.325.000	-
Bán khác	-	28.665.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây		
Bán khác	195.436.500	-
Công ty Cổ phần Bia- Nước giải khát Sài Gòn – Tây Đô		
Bán khác	33.043.500	-
Công ty Cổ Phần Bia Sài Gòn – Vĩnh Long		
Bán khác	5.603.540	-
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Kiên Giang		
Bán khác	-	27.625.500
Nhân sự quản lý chủ chốt		
Lương, thưởng và các quyền lợi khác	3.119.355.480	2.308.014.203

27. Thông tin so sánh

Thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2020 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

Ngày 12 tháng 3 năm 2021

Người lập:

Phạm Thế Lộc
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Lưu Văn Tuấn
Giám đốc

